

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TRƯƠNG MINH T PHỐ HỒ
CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 605/2019/HS-PT
Ngày 29 -11-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TRƯƠNG MINH T PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Minh T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Công Huân

2. Ông Huỳnh Văn Trực

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân
Trương Minh T phố Hồ Chí Minh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Trương Minh T phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Trương Minh T phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 473/HSPT ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Huỳnh Quốc T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2019/HSST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân Trần Quốc H ện Hóc Môn, Trương Minh T phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo:

1/ Trần Quốc H, sinh năm 1992 tại Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; thường trú: 126/4D Trung Chánh 1, xã Trung Chánh, Trần Quốc H ện Hóc Môn, Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 11/1H ấp 2, xã Xuân Thới Sơn, Trần Quốc H ện Hóc Môn, Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc; kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quốc T và bà Phan Thị M; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: năm 2016 bị Tòa án nhân dân Quận 12 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng theo Quyết định số 74/QĐ-TA ngày 01/3/2016, ngày 28/11/2017 chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/5/2019 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2/ Huỳnh Quốc T, sinh năm 1990 tại Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; thường trú: 79/A3 Âu Cơ, phường 14, Quận 11, Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc; kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Trung Đ (chết) và

bà Nguyễn Thị Hồng C; có vợ tên Đỗ Thị Phương L; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam ngày 10/5/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Trần Tuấn A, sinh năm 1995 tại tỉnh Vĩnh Long; thường trú: An Phú An, xã Long An, Trần Quốc H ện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: 414/13 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Minh L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/5/2019 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Tống Lê G, sinh năm 1986 tại Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; thường trú: 820/74/2E Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 68/15 tổ 18, ấp 4, xã Đông Thạnh, Trần Quốc H ện Hóc Môn, Trương Minh T phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tống Ngọc S và bà Lê Thị C; có vợ và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

- Năm 2018 bị Tòa án nhân dân Trần Quốc H ện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Tống Lê G xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 24/2008/HSST ngày 29/5/2008;

- Năm 2011 bị Tòa án nhân dân Trần Quốc H ện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản theo Bản án số 68/2011/HSST, ngày 30/8/2011, ngày 30/8/2013 chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/5/2019 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Luật sư Nguyễn Văn Quân và luật sư Phạm Văn Sơn, thuộc Đoàn luật sư Trương Minh T phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Tống Lê G. (Có mặt)

NỘI LÊ THỊ NGỌC D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Lê Thị Ngọc D vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Trương Minh T chuẩn bị 01 con dao Thái Lan bằng kim loại dài khoảng 20 cm giấu trong người nhằm chiếm đoạt tài sản của người đi đường. Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 05/5/2019 Trương Minh T đi bộ đến khu vực đường hẻm thuộc Tổ 18, ấp 5, xã Đông Thạnh và ngồi bên lề nghỉ chân thì lúc này có chị Lê Thị Ngọc D điều khiển xe máy hiệu Honda SH Mode biển số 59P2-563.12 đang đi tới thì Trương Minh T cầm dao trên tay phải dừng dẩy nhằm chặn xe nhưng chị Lê Thị Ngọc D phát hiện tăng ga vượt qua nhưng Trương Minh T chụp được, giật tay lái xe phía bên trái của chị Lê Thị Ngọc D

làm chị mất thăng bằng ngã xuống đường. Lúc này xe vẫn còn nổ máy nên Trương Minh T dựng xe lên rồi điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát Trương Minh T gọi điện thoại cho Trần Quốc H nói có xe SH mode vừa cướp được hỏi Trần Quốc H có mua không? Trần Quốc H hẹn gặp Trương Minh T tại khu đất trống thuộc Tổ 18, ấp 2, xã Xuân Thới Sơn. Sau khi gặp nhau thì Trương Minh T mở cốp xe bên trong có hai túi xách (01 túi da màu đen, 01 túi vải màu trắng đen) nên Trương Minh T lấy đưa cho Trần Quốc H cất giữ, rồi Trần Quốc H nói Trương Minh T chạy xe SH Mode lên bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn gửi xe, còn Trần Quốc H về nhà cất hai túi xách. Khi Trần Quốc H về nhà trọ kiểm tra túi xách thì thấy bên trong túi xách màu đen có 96.000.000 đồng, Trần Quốc H cất giấu không cho Trương Minh T biết. Sau đó, Trần Quốc H tiêu xài hết 40.000.000 đồng, còn 56.000.000 đồng chưa kịp tiêu xài thì bị thu giữ. Sau đó, Trần Quốc H điều khiển xe đến bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn gặp Trương Minh T, Trương Minh T đưa thẻ giữ xe cho Trần Quốc H, Trần Quốc H thảo thuận mua xe với giá 8.000.000 đồng khi nào bán xe được thì đưa tiền, Trương Minh T đồng ý.

Sau khi về nhà, Trần Quốc H lên mạng tìm người để bán xe thì Trần Quốc H liên lạc với Tống Lê G nhờ bán xe giúp, Tống Lê G liên hệ với Huỳnh Quốc T, Huỳnh Quốc T liên lạc với Nguyễn Trần Tuấn A để bán xe SH Mode đời 2017, Nguyễn Trần Tuấn A đồng ý mua thì Huỳnh Quốc T cùng Nguyễn Trần Tuấn A hẹn Tống Lê G đi xem xe. Khoảng 10 giờ ngày 07/5/2019, Tống Lê G, Trần Quốc H, Huỳnh Quốc T, Nguyễn Trần Tuấn A gặp nhau tại quán cà phê vỉa hè trước bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn, lúc này Trần Quốc H đưa thẻ xe cho Tống Lê G vào bệnh viện đẩy xe ra trước quán để cả nhóm xem xe, trong lúc xem xe thì Huỳnh Quốc T hỏi Trần Quốc H xe ở đâu có thì Trần Quốc H nói cho cả nhóm cùng nghe xe do bạn cướp được ở Hóc Môn, xem xe xong thì Tuấn Anh nói Huỳnh Quốc T thương lượng giá cả. Do xe không có chìa khóa xe, không có giấy tờ, bị trầy xước nhẹ nên Huỳnh Quốc T thỏa thuận mua xe với giá là 8.500.000 đồng thì Tống Lê G và Trần Quốc H đồng ý bán. Huỳnh Quốc T lấy 8.500.000 từ Nguyễn Trần Tuấn A rồi Huỳnh Quốc T đưa cho Tống Lê G 2.500.000 đồng, đưa cho Trần Quốc H 6.000.000 đồng. Sau đó, Huỳnh Quốc T và Nguyễn Trần Tuấn A điều khiển xe đẩy xe SH Mode về nhà trọ của Nguyễn Trần Tuấn A, Nguyễn Trần Tuấn A nói bán được xe sẽ chia cho Huỳnh Quốc T từ 3.000.000 đến 4.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Trần Tuấn A đi làm lại chìa khóa xe để bán xe và sẽ bán với giá 18.000.000 đồng. Tuy nhiên, chưa bán được xe thì bị bắt cùng vật chứng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Chiếc xe SH Mode định giá có trị giá là 45.000.000 đồng. Tiền mặt là 96.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 141.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HSST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Trương Minh T phó Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H, Tống Lê G, Huỳnh Quốc T, Nguyễn Trần

Tuấn A phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/5/2019;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 52, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Tổng Lê G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến 17/5/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cá Huỳnh Quốc T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2019;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/5/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo khác; tuyên xử lý về vật chứng và quyền kháng cáo

Bị cáo Huỳnh Quốc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A kháng cáo xin được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Quốc H kháng cáo xin hưởng án treo

Bị cáo Tổng Lê G kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo nêu yêu cầu kháng cáo là mình không có tội vì không biết xe là do phạm tội mà có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Trương Minh T phó Hồ Chí Minh nhận định:

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội Lê Thị Ngọc D kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Trần Quốc H kháng cáo xin hưởng án treo nhưng tại phiên tòa thay đổi yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhận thấy các tình tiết bị cáo trình bày đã được cấp sơ thẩm xem xét; mẹ bị cáo hết tuổi lao động, bị cáo là lao động chính nhưng không được địa phương xác nhận nên không có cơ sở xem xét. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A: Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, đồng thời tại phiên tòa bị cáo đề nghị về vật chứng bị thu giữ nhưng không được xem xét; bị cáo trình bày có hoàn cảnh khó khăn nhưng không có xác nhận của địa phương; việc vợ bị cáo sinh con không thuộc trường hợp xem xét đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Quốc T: kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nội Lê Thị

Ngọc D kháng cáo của bị cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét. Bị cáo cho rằng bị cáo giúp đỡ cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án chỉ được xem xét theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo

Bị cáo Tổng Lê G kháng cáo cho rằng mình bị oan sai. Bị cáo cho rằng mình bị móc cung, ký vào các văn bản đã được soạn sẵn; bị cáo là người báo tin về hành vi phạm tội của các bị cáo khác. Đồng thời bị cáo đề nghị làm rõ việc tài sản của bị cáo bị thu giữ nhưng không được ghi nhận trong các biên bản thu giữ. Viện kiểm sát nhận thấy hồ sơ vụ án không thể hiện lời khai của bị cáo thể hiện bị cáo là người báo tin cho cơ quan điều tra để phát hiện vụ án. Đồng thời, khi phúc cung, lời khai của bị cáo đúng sự việc của vụ án.

Luật sư Quân bào chữa cho bị cáo Tổng Lê G:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm chưa làm rõ việc tài sản thu giữ của bị cáo Tổng Lê G nên cần làm rõ việc có thu giữ điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo Tổng Lê G hay không. Quần áo bị cáo mặc trên người bị thu giữ trong khi túi quần có bọc chiếc điện thoại hiệu Iphone và 01 chiếc ví trong đó có tiền nhưng không được ghi nhận trong các biên bản thu giữ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác minh làm rõ về vật chứng bị thu giữ của bị cáo.

Luật sư Sơn bào chữa cho bị cáo Tổng Lê G: đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và triệu tập ông Phạm Quân với tư cách là người làm chứng là người thu giữ tài sản của bị cáo Tổng Lê G. Đề nghị hoãn phiên tòa để thu thập nội Lê Thị Ngọc D cuộc gọi điện thoại của bị cáo Tổng Lê G trình báo sự việc cho cán bộ điều tra tên Phan Quân công tác ở Đội 4 thuộc PC02.

Bị cáo Tổng Lê G bào chữa bổ sung: Việc bị cáo báo cho Công an để phát hiện tội phạm có 04 bị cáo khác trong vụ án xác định cán bộ điều tra tên Vũ nói trước mặt 04 bị cáo khác là Tổng Lê G đã báo cán bộ Quân để bắt các bị cáo và nói các bị cáo đánh cho Tổng Lê G một trận nên các bị cáo khác biết sự việc.

Bị cáo Trần Quốc H, Huỳnh Quốc T, Nguyễn Trần Tuấn A xác nhận lời khai của bị cáo Tổng Lê G là đúng.

Bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A bào chữa: Bị cáo không biết tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tội.

Bị cáo Trần Quốc H, Huỳnh Quốc T không bào chữa.

Viện kiểm sát tranh luận đối đáp:

Bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A cho rằng không biết xe do phạm tội mà có. Tuy nhiên, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị cáo biết rõ xe không có giấy tờ và do phạm tội mà có nhưng do xe bán giá rẻ, bị cáo ham lời nên đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội.

Đối với lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Tổng Lê G: Không có bất cứ tài liệu nào thể hiện bị cáo đã báo tin cho cán bộ Vũ nên không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Lê Thị Ngọc D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào ngày 07/5/2019 các bị cáo Huỳnh Quốc T, Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Quốc H có hành vi mua bán chiếc xe SH Mode biển số 59P2 -536.12 có trị giá là 45.000.000 đồng. Các bị cáo biết được chiếc xe trên do người khác có được từ hành vi “Cướp tài sản” mà có nhưng do ham lợi, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người đúng tội không oan sai.

Đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong hạn luật định là hợp lệ.

Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Trần Quốc H, tiêu thụ tài sản tổng cộng có trị giá là 141.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “Vật phạm pháp có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là: Trương Minh T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự để từ đó áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù là phù hợp.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với các bị cáo Huỳnh Quốc T và Nguyễn Trần Tuấn A đã tiêu thụ tài sản có trị giá là 45.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng pháp luật.

Khi xem xét lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét cho các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Huỳnh Quốc T tình tiết: Trương Minh T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Huỳnh Quốc T và Nguyễn Trần Tuấn A phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự. Từ đó áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Huỳnh Quốc T đã xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Huỳnh Quốc T mỗi bị cáo 01 (một) năm tù là có căn cứ và phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A kháng cáo xin hưởng án treo và tại phiên tòa phúc thẩm thay theo hướng kêu oan cho rằng không biết tài sản do người khác phạm tội mà có và cung cấp thêm các file ghi âm thể hiện nội Lê Thị Ngọc D cuộc gọi giữa bị cáo và điều tra viên tên Vũ nhưng nội Lê Thị Ngọc D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời căn cứ lời khai của bị cáo, các bị cáo khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và hình phạt như trên là phù hợp và có căn cứ nên không

có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Huỳnh Quốc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới để Hội đồng xét xử xem xét, đồng thời mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

Xét kháng cáo của Bị cáo Tống Lê G kháng cáo cho rằng mình bị oan, bị cáo là người chỉ điểm để cơ quan điều tra phát hiện tội phạm nên không có tội. Mặc dù lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm đều thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với vật chứng có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng nội Lê Thị Ngọc D việc bị cáo chỉ điểm cho cán bộ điều tra Phan Quân công tác tại Đội 4 thuộc PC02 – Công an Trương Minh T phó Hồ Chí Minh được thể hiện qua số điện thoại, tin nhắn giữa bị cáo và cán bộ Quân nhưng điện thoại bị thu giữ bởi cán bộ điều tra tên Vũ không được ghi nhận tại biên bản thu giữ. Lời khai trên của bị cáo được xác nhận bởi các bị cáo khác. Trong đó, bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A cũng cho rằng bị thu giữ 01 điện thoại nhưng không được ghi nhận trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Quốc H, Huỳnh Quốc T, Nguyễn Trần Tuấn A đều xác nhận tại Cơ quan điều tra, điều tra viên tên Vũ nói trước mặt các bị cáo “Tống Lê G là người chỉ điểm để bắt các bị cáo”. Đây là các tình tiết mới, chưa được làm rõ và không thể chứng minh tại phiên tòa nên để xác định về hành vi phạm tội của Tống Lê G cần xác định rõ bị cáo có liên hệ với người tên Phan Quân có số điện thoại 0932334335 công tác tại Đội 4 – Phòng PC02 – Công an Trương Minh T phó Hồ Chí Minh hay không; nội Lê Thị Ngọc D liên lạc có việc bị cáo báo tin chỉ điểm hành vi phạm tội của các bị cáo khác như bị cáo trình bày hay không cũng như việc thu giữ chiếc điện thoại có chứa nội Lê Thị Ngọc D chỉ điểm như bị cáo đã trình bày hay không. Đồng thời, điều tra rõ tại Cơ quan điều tra, Điều tra viên tên Vũ có nói trước mặt các bị cáo khác về việc Tống Lê G là người chỉ điểm các bị cáo khác hay không.

Vì các lẽ trên, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc T, Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Quốc H

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tống Lê G, hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Tống Lê G

Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các Huỳnh Quốc T, Trần Quốc H, Nguyễn Trần Tuấn A, giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/5/2019;

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 32, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc T 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2019;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/5/2019.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tổng Lê G,

Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Tổng Lê G và cTrần Quốc H ền hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Trần Quốc H ện Hóc Môn để cTrần Quốc H ền điều tra, truy tố, xét xử lại .

Buộc mỗi bị cáo Huỳnh Quốc T, Trần Quốc H, Nguyễn Trần Tuấn A nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Tổng Lê G không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Trần Quốc H ện Hóc Môn; (1)
- P.PC53-CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án Trần Quốc H ện Hóc Môn ; (2)
- TAND Trần Quốc H ện Hóc Môn ; (1)
- Công an Trần Quốc H ện Hóc Môn ; (2)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (7)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (23)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam